

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN  
PHƯƠNG ĐÔNG

Số: 499/2021/TPS-CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong

Mã chứng khoán: ORS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lệ Tùng

Địa chỉ: Tầng 03, 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 08.39118014 Fax: 08.39118015

Loại thông tin công bố:  bất thường  24 giờ  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2021
- Công văn giải trình biến động lợi nhuận Quý 2 năm 2021 so với Quý 2 năm 2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/07/2021 tại đường dẫn:

<https://www.tpbs.com.vn/vi/thong-tin-tps/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/tps-cong-bo-bao-cao-tai-chinh-quy-2-nam-2021?postId=849>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2021
- Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 năm 2021.
- Giải trình Biến động lợi nhuận Quý 2 năm 2021 so với Quý 2 năm 2020

Người được ủy quyền CBTT



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.HCM, ngày 19 tháng 07 năm 2021

Số : ...../2021/TPS-CV  
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận  
Quý II.2021 so với Quý II.2020

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*”, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (TPS) giải trình về việc Kết quả kinh doanh Quý II năm 2021 biến động trên 10% so với kết quả kinh doanh Quý II năm 2020, cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Quý II - 2021	Quý II - 2020	Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	<b>Doanh thu</b>	<b>293,187,070,704</b>	<b>66,302,734,515</b>	<b>226,884,336,189</b>	<b>342.19%</b>
	Doanh thu thực hiện	298,153,873,009	66,308,901,865	231,844,971,144	
	Doanh thu đánh giá FVTPL	(4,966,802,305)	(6,167,350)	(4,960,634,955)	
2	<b>Chi phí</b>	<b>233,870,896,692</b>	<b>52,641,588,653</b>	<b>181,229,308,039</b>	<b>344.27%</b>
	Chi phí thực hiện	222,054,996,682	52,617,106,483	169,437,890,199	
	Chi phí dự phòng	-	-	-	
	Chi phí đánh giá FVTPL	11,815,900,010	24,482,170	11,791,417,840	
3	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>59,316,174,012</b>	<b>13,661,145,862</b>	<b>45,655,028,150</b>	<b>334.20%</b>
4	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>5,572,934,115</b>	<b>2,740,029,172</b>	<b>2,832,904,943</b>	
5	<b>Lợi Nhuận sau thuế</b>	<b>53,743,239,897</b>	<b>10,921,116,690</b>	<b>42,822,123,207</b>	<b>392.10%</b>

Doanh thu Quý II – 2021 đạt hơn 293 tỷ đồng, tăng 342.33% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí Quý II – 2021 đạt gần 234 tỷ đồng, tăng hơn 344.2% so với cùng kỳ năm trước.

Trong kỳ doanh thu và chi phí tăng chủ yếu từ hoạt động tư vấn tài chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế của Quý II - 2021 đạt được hơn 53 tỷ đồng, tăng 392.1% so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Giám đốc Tài chính

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

QUÝ II - NĂM 2021

Gồm:

- Báo cáo Tình hình tài chính riêng
- Báo cáo Kết quả hoạt động riêng
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng
- Công văn giải trình biến động kết quả kinh doanh giữa 2 kỳ báo cáo

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130)</b>	<b>100</b>		<b>3,481,716,869,602</b>	<b>2,172,960,074,502</b>
<b>I. Tài sản tài chính</b>	<b>110</b>		<b>3,474,075,369,447</b>	<b>2,169,121,731,195</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	1	556,076,562,478	1,002,117,958,872
1.1. Tiền	111.1		556,076,562,478	1,002,117,958,872
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	3.a	1,579,854,114,470	450,490,918,650
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	3.b	500,000,000,000	
4. Các khoản cho vay	114	3.c	809,735,240,921	127,817,183,500
7. Các khoản phải thu	117			695,000,000
7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	4a		695,000,000
8. Trả trước cho người bán	118	4b	12,777,632,520	512,551,667,980
9. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	4c	13,519,346,721	62,742,833,058
12. Các khoản phải thu khác	122	4d	2,112,472,337	12,706,169,135
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>130</b>		<b>7,641,500,155</b>	<b>3,838,343,307</b>
1. Tạm ứng	131			562,451,671
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	5a	7,616,500,155	1,090,385,434
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	6a	25,000,000	20,000,000
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	136			2,165,506,202
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>50,326,737,815</b>	<b>25,603,536,023</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16,850,245,289</b>	<b>6,956,397,665</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	6,749,500,880	3,230,140,480
- Nguyên giá	222		12,477,624,109	9,118,477,729
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223a		(5,728,123,229)	(5,888,337,249)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	10,100,744,409	3,726,257,185
- Nguyên giá	228		17,756,291,564	10,953,787,564
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229a		(7,655,547,155)	(7,227,530,379)
<b>IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>1,961,831,159</b>	<b>425,882,609</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>250</b>		<b>31,514,661,367</b>	<b>18,221,255,749</b>
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	6b	3,433,614,373	2,265,293,833
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	5b	4,720,726,709	5,501,756,869
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	10	18,802,359,133	6,353,177,853
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	11	4,557,961,152	4,101,027,194
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3,532,043,607,417</b>	<b>2,198,563,610,525</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với bản thuyết minh Báo cáo tài chính


1

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>	<b>300</b>		<b>2,420,914,908,987</b>	<b>1,238,047,594,567</b>
<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>420,914,908,987</b>	<b>238,047,594,567</b>
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		35,091,195,821	55,406,916,000
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	12	2,812,255,129	324,237,500
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	13	34,686,281,956	7,122,594,274
11. Phải trả người lao động	323		1,246,419,041	8,570,186,519
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	14	48,258,324,971	33,565,253,669
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		83,104,322,476	31,151,123,629
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	15	215,716,109,593	101,907,282,976
<b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>2,000,000,000,000</b>	<b>1,000,000,000,000</b>
4. Trái phiếu phát hành dài hạn	346	16	2,000,000,000,000	1,000,000,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>	<b>400</b>		<b>1,111,128,698,430</b>	<b>960,516,015,958</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,111,128,698,430</b>	<b>960,516,015,958</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
7. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)	417	18	111,128,698,430	(39,483,984,042)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		103,800,203,915	(45,270,770,467)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện đến cuối kỳ trước	417.1a		(45,270,770,467)	(132,214,676,633)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện phát sinh trong kỳ	417.1b		149,070,974,382	86,943,906,166
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		7,328,494,515	5,786,786,425
- Lợi nhuận chưa thực hiện đến cuối kỳ trước	417.2a		5,786,786,425	3,464,696,632
- Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh trong kỳ	417.2b		1,541,708,090	2,322,089,793
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>420</b>			-
<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3,532,043,607,417</b>	<b>2,198,563,610,525</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	19.1	408,234,835,519	408,234,835,519
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006	17	100,000,000	100,000,000
8. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	008	19.2	63,907,970,000	227,218,270,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		19.2	63,907,970,000	226,718,270,000
b. Tài sản tài chính chờ thanh toán				500,000,000
10. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	010		214,124,500,000	1,511,500,000
12. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	19.3	1,066,081,934,007	98,100,000,000
<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>				
1. Tài sản tài chính niêm yết/dăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	19.4	6,362,429,800,000	3,107,055,785,000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		3,694,643,260,000	1,113,855,545,000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		2,586,485,540,000	1,966,554,330,000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		81,301,000,000	26,645,910,000
3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	19.5	127,762,530,000	24,349,090,000
7. Tiền gửi của khách hàng	026		398,841,315,221	182,001,020,004
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	19.6	398,841,315,221	154,001,020,004
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	19.7	-	28,000,000,000
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	19.8	398,841,315,221	154,001,020,004
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		398,237,173,105	153,425,112,018
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		604,142,116	575,907,986
9. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032		-	28,000,000,000
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	20	1,453,434,659	1,606,627,659

  
NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN  
Người lập

  
NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kế toán trưởng

 ngày 19 tháng 7 năm 2021  
  
NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

QUÝ II - NĂM 2021

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý II	Lũy kế từ đầu năm	Quý II	Lũy kế từ đầu năm
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>						
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		76,530,292,315	108,674,039,743	1,120,801,287	1,127,006,887
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	21	58,158,595,600	72,301,620,217	1,104,636,286	1,104,636,286
b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	22	(4,966,802,305)	2,586,264,066	(6,167,350)	29,950
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	23	23,338,499,020	33,786,155,460	22,332,351	22,340,651
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	23	7,835,616	7,835,616	2,465,754	5,753,425
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	24	9,881,812,023	13,259,946,678	46,926,911	135,578,223
1.6. Doanh thu môi giới chứng khoán	06	25	25,174,097,891	34,654,156,643	3,012,808,113	4,601,728,182
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	25	5,726,918,458	5,826,918,458	-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	25	45,942,772,990	74,456,444,992	7,962,272,807	8,315,313,598
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	25	122,355,000,000	303,425,000,000	51,635,405,479	135,995,205,479
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	25	82,000,001	588,312,794	779,000,000	1,032,000,000
<b>Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 → 11)</b>	20		<b>285,700,729,294</b>	<b>540,892,654,924</b>	<b>64,559,680,351</b>	<b>151,212,585,794</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>						
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21	27	89,665,104,384	99,634,779,486	311,433,775	311,862,005
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1	27	77,849,204,374	86,091,240,324	270,798,044	270,798,044
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	22, 28	11,815,900,010	13,493,737,256	24,482,170	24,910,400
c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	21.3	28		49,801,906	16,153,561	16,153,561
2.6. Chi phí hoạt động tự doanh	26	28	5,000,000	5,000,000		144,000,000
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	15,488,775,989	23,713,120,034	2,233,527,717	4,009,290,931
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	18,075,647,747	45,620,152,604	180,009,824	354,492,580
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	28	39,591,285,130	93,608,962,755	40,446,649,057	80,391,785,934
<b>Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 → 32)</b>	40		<b>162,825,813,250</b>	<b>262,582,014,879</b>	<b>43,171,620,373</b>	<b>85,211,431,450</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định	42	26	137,325,848	485,435,270	28,564,714	295,247,832
<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 → 44)</b>	50		<b>137,325,848</b>	<b>485,435,270</b>	<b>28,564,714</b>	<b>295,247,832</b>
4.2. Chi phí lãi vay	52	27	42,074,310,730	66,938,373,990	734,493,194	900,046,998
<b>Cộng chi phí tài chính (60 = 51 → 55)</b>	60		<b>42,074,310,730</b>	<b>66,938,373,990</b>	<b>734,493,194</b>	<b>900,046,998</b>
<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	62	29	<b>23,903,098,926</b>	<b>41,152,457,413</b>	<b>8,735,475,086</b>	<b>20,799,870,284</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý II	Lũy kế từ đầu năm	Quý II	Lũy kế từ đầu năm
<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b> (70= 20+50-40 -60-61-62)	70		57,034,832,236	170,705,243,912	11,946,656,412	44,596,484,894
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>						
8.1. Thu nhập khác	71	30	7,349,015,562	9,813,174,662	1,714,489,450	2,838,278,820
8.2. Chi phí khác	72	31	5,067,673,786	5,067,673,786		
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		2,281,341,776	4,745,500,876	1,714,489,450	2,838,278,820
<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> (90=70 + 80)	90		59,316,174,012	175,450,744,788	13,661,145,862	47,434,763,714
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		76,098,876,327	186,358,217,978	13,691,795,382	47,459,644,164
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(16,782,702,315)	(10,907,473,190)	(30,649,520)	(24,880,450)
<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	100		5,572,934,115	24,838,062,316	2,740,029,172	9,405,630,001
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		15,227,575,266	37,287,243,596	2,746,159,076	5,994,283,667
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(9,654,641,151)	(12,449,181,280)	(6,129,904)	3,411,346,334
<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b> (200 = 90 - 100)	200		53,743,239,897	150,612,682,472	10,921,116,690	38,029,133,713
<b>XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN</b>	300					
Tổng thu nhập toàn diện	400		53,743,239,897	150,612,682,472	10,921,116,690	38,029,133,713
<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>	500		537	1,506	249	865
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501		537	1,506	249	865
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502		537	1,506	249	865

NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN  
Người lập

NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2021

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

MẪU B03-CTCK

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>01</b>		<b>175,450,744,788</b>	<b>47,434,763,714</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>	<b>02</b>		<b>67,206,176,746</b>	<b>1,454,879,342</b>
- Khấu hao TSCĐ	03		267,802,756	554,832,344
- Chi phí lãi vay	06		66,938,373,990	900,046,998
<b>3. Tăng các chi phí tiền tệ</b>	<b>10</b>		<b>13,493,737,256</b>	<b>24,910,400</b>
- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		13,493,737,256	24,910,400
<b>4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ</b>	<b>18</b>		<b>(2,586,264,066)</b>	<b>(29,950)</b>
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(2,586,264,066)	(29,950)
<b>5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>30</b>		<b>(1,686,948,289,168)</b>	<b>10,711,112,103</b>
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(1,140,270,669,010)	(999,061,799)
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		(500,000,000,000)	-
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(681,918,057,421)	(2,171,531,104)
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		695,000,000	-
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		49,223,486,337	(2,183,600,055)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		10,593,696,798	(4,994,058,428)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(1,067,802,827)	(25,288,645,452)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		(21,213,215,947)	(7,722,112,445)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(5,745,084,561)	1,124,451,240
- (-) Thuế TNDN đã nộp	43		(19,894,162,128)	(5,994,283,667)
- (-) Lãi vay đã trả	44		(51,347,806,920)	(866,690,023)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		503,221,956,109	(379,864,230)
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		-	(845,000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		12,336,112,416	(2,166,049,717)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		(7,323,767,478)	(1,521,320,000)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		165,762,025,464	63,874,722,783
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>60</b>		<b>(1,433,383,894,444)</b>	<b>59,625,635,609</b>

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		(12,657,501,950)	(3,534,967,100)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>70</b>		<b>(12,657,501,950)</b>	<b>(3,534,967,100)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		-	39,600,000,000
3 Tiền vay gốc	73		1,000,000,000,000	91,400,850,772
3.2 <i>Tiền vay khác</i>	73.2		<i>1,000,000,000,000</i>	<i>91,400,850,772</i>
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(46,569,350,772)
4.3 <i>Tiền chi trả gốc nợ vay khác</i>	74.3		<i>-</i>	<i>(46,569,350,772)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>80</b>		<b>1,000,000,000,000</b>	<b>84,431,500,000</b>
<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>90</b>		<b>(446,041,396,394)</b>	<b>140,522,168,509</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>101</b>	<b>1</b>	<b>1,002,117,958,872</b>	<b>117,115,839,349</b>
- Tiền	101.1		1,002,117,958,872	117,115,839,349
- Các khoản tương đương tiền	101.2		-	-
<b>VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>103</b>	<b>1</b>	<b>556,076,562,478</b>	<b>257,638,007,858</b>
- Tiền	103.1		556,076,562,478	257,638,007,858
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	-

**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		11,705,890,958,328	285,511,861,900
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(12,652,079,539,117)	(521,447,031,000)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		12,979,108,131,060	560,641,004,098
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(11,787,407,378,337)	(315,214,867,386)
11. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(671,876,717)	(324,813,598)
14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		15,435,169,716,051	2,582,779,731,840
15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(15,463,169,716,051)	(2,598,979,731,840)
<b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>	<b>20</b>		<b>216,840,295,217</b>	<b>(7,033,845,986)</b>
<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>	<b>30</b>		<b>182,001,020,004</b>	<b>29,627,572,793</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		182,001,020,004	29,627,572,793
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	19.7	154,001,020,004	13,427,572,793
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35	19.8	28,000,000,000	16,200,000,000
<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b>	<b>40</b>		<b>398,841,315,221</b>	<b>22,593,726,807</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		398,841,315,221	22,593,726,807
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	19.7	398,841,315,221	22,593,726,807
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 7 năm 2021



**NGUYỄN THỊ TỐ UYÊN**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA**  
Kế toán trưởng

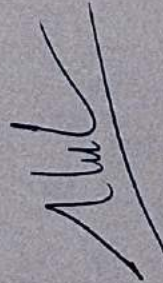


**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Giám đốc Khối Tài chính

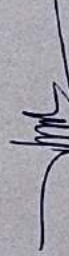
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
QUÝ II - NĂM 2021

(Đơn vị tính: VND)

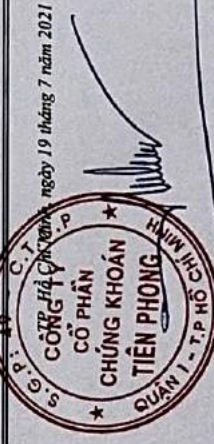
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ			
		Ngày 01/01/2020	Ngày 01/01/2021	Năm trước	Năm nay	Ngày 30/06/2020	Ngày 30/06/2021		
A	B	1	2	Tăng	Giảm	5	6	7	8
<b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	400,000,000,000	1,000,000,000,000	39,600,000,000	-	-	-	439,600,000,000	1,000,000,000,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá		400,000,000,000	1,000,000,000,000	39,600,000,000	-	-	-	439,600,000,000	1,000,000,000,000
8. Lợi nhuận chưa phân phối	18	(128,749,980,001)	(39,483,984,042)	41,465,360,497	(3,436,226,784)	149,070,974,382	1,541,708,090	(90,720,846,288)	111,128,698,430
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		(132,214,676,633)	(45,270,770,467)	41,465,360,497	-	149,070,974,382	1,541,708,090	(90,749,316,136)	103,800,203,915
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		3,464,696,632	5,786,786,425	-	(3,436,226,784)	-	-	28,469,848	7,328,494,515
		<b>271,250,019,999</b>	<b>960,516,015,958</b>	<b>81,065,360,497</b>	<b>(3,436,226,784)</b>	<b>149,070,974,382</b>	<b>1,541,708,090</b>	<b>248,879,153,712</b>	<b>1,111,128,698,430</b>



NGUYỄN THỊ TÔ UYÊN  
Người lập



NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA  
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Giám đốc Khối Tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

---

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

MẪU B09-CTCK

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:*

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
  - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.
  - Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 25 tháng 2 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.
  - Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2020, chuẩn y các việc sau:
    - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND.
    - ✓ Cấp phép bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.
  - Giấy phép điều chỉnh số 71/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 29 tháng 10 năm 2020, chuẩn y việc thay đổi vốn điều lệ từ 439.600.000.000 VND tăng lên 1.000.000.000.000 VND.
- Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 250.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 1.000.000.000.000 VND
  - Số cổ phiếu : 100.000.000 cổ phiếu
  - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
  - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
  - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
  - Fax : (84-028) 3911 8015
  - Mã số thuế : 0 3 0 4 8 1 4 3 3 9
- **Chi nhánh**
  - Tên Chi nhánh : Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội
  - Địa chỉ : Tầng 12, DOJI Tower, số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Ngành, nghề kinh doanh**

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

#### **3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán**

Theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 do Bộ Tài chính ban hành về "Quy định về hoạt động của công ty chứng khoán".

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;

c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;

đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

5. Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%;

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6. Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn 01 năm.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **4. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 187 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 125 người).

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 thuộc kỳ kế toán năm thứ 15 của Công ty.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

### **2. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

#### **4. Tài sản tài chính**

##### **a) Phân loại tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

##### ***Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)***

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu "Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu "Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL" nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)***

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phát sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

##### **b) Đánh giá lại các tài sản tài chính**

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

##### **c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính**

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc
  - + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

##### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

#### **6. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

##### *Các hợp đồng mua lại*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

##### *Các hợp đồng bán lại*

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

#### **7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

#### **8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

#### **9. Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

#### **10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

#### **11. Các khoản vay**

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

#### **12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

#### **13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **14. Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

- Các quỹ.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hằng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Mức trích tối đa
Quỹ dự phòng bổ sung Vốn điều lệ	5%	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông.

#### **15. Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các Quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **16. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

##### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### ***Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn***

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

##### ***Doanh thu tư vấn***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán***

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

##### ***Doanh thu tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

#### **17. Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

##### ***Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính***

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

##### ***Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

##### ***Chi phí hoạt động tự doanh***

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

##### ***Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ***

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đầu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

#### **18. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

#### **19. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **20. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

#### **21. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ	Đầu năm
<b>Tiền</b>	<b>556,076,562,478</b>	<b>1,002,117,958,872</b>
Tiền mặt tại quỹ	37,258,723	8,011,957
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	556,039,303,755	1,002,109,946,915
	<b>556,076,562,478</b>	<b>1,002,117,958,872</b>

**2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (Cổ phiếu)	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
<b>a) Của CTCK</b>	<b>50,484,948</b>	<b>2,236,271,721,865</b>
- Cổ phiếu	42,397,700	1,401,494,319,000
- Trái phiếu	8,087,248	834,777,402,865
<b>b) Của Nhà đầu tư</b>	<b>562,750,139</b>	<b>19,976,777,786,227</b>
- Cổ phiếu	499,330,863	13,579,993,601,040
- Trái phiếu	62,652,776	6,393,237,478,187
- Chứng khoán khác	766,500	3,546,707,000
	<b>613,235,087</b>	<b>22,213,049,508,092</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Các loại tài sản tài chính

#### a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

Tên tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>575,033,234,007</b>	<b>575,033,234,007</b>	-	-
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80,267,178,082	80,267,178,082	-	-
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70,233,780,822	70,233,780,822	-	-
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50,013,972,603	50,013,972,603	-	-
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	122,648,184,000	122,648,184,000	-	-
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50,119,178,000	50,119,178,000	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	51,007,123,000	51,007,123,000	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	50,176,438,500	50,176,438,500	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	100,567,379,000	100,567,379,000	-	-
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>225,428,333,600</b>	<b>224,451,599,180</b>	<b>292,015,659,250</b>	<b>291,390,918,650</b>
Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Everest	-	-	21,985,250,000	22,502,550,000
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	-	-	114,000,000,000	112,500,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt	-	-	141,592,000,000	141,592,000,000
Cổ phiếu CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau	1,368,104	1,680,000	13,625,783,138	14,206,920,000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (tiếp theo)**

<i>Tên tài sản tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Cổ phiếu CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803,400,000	618,000,000	803,400,000	587,100,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát	29,512,880,000	29,355,000,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	41,675,769,384	41,178,255,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội	22,847,950,000	22,975,500,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông	12,119,050,000	11,840,990,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	18,964,000,000	19,584,000,000	-	-
Cổ phiếu CTCP Sữa Việt Nam	34,743,200,000	34,370,080,000	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	64,751,490,000	64,524,870,000	-	-
Cổ phiếu Các Công ty khác	9,226,112	3,224,180	9,226,112	2,348,650
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>236,003,730,664</b>	<b>230,070,579,445</b>	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc Tế	91,154,803,549	91,458,021,454	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc	53,456,019,065	50,000,000,000	-	-
Trái phiếu Công ty Masan High-Tech Materials	91,392,908,050	88,612,557,991	-	-
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>145,900,000,000</b>	<b>144,150,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>	<b>143,000,000,000</b>
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	140,000,000,000	138,250,000,000	140,000,000,000	140,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000	3,000,000,000
Cổ phiếu CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) (tiếp theo)**

Tên tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>408,962,680,817</b>	<b>406,148,701,838</b>	<b>16,041,650,828</b>	<b>16,100,000,000</b>
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	-	-	16,041,650,828	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP BCG Land	1,006,000,447	953,100,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang	90,848,116	90,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	309,192,776	292,200,000	-	-
Trái phiếu CTCP Sunshine AM	265,128,758	252,800,000	-	-
Trái phiếu CTCP Công trình Giao thông Đồng Nai	5,905,045	5,800,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	101,259,293	101,300,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	4,597,667	4,400,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	2,082,789,416	2,003,400,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM	94,301,234	92,101,838	-	-
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land	94,357,367	94,400,000	-	-
Trái phiếu CTCP Bất Động Sản Wonderland	1,327,648,576	1,327,000,000	-	-
Trái phiếu Cty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn	696,454,099	700,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Phú Thượng	236,880,938	231,700,000	-	-
Trái phiếu CTCP Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	513,317,085	500,000	-	-
Trái phiếu Cty TNHH DCT Partners Việt Nam	200,000,000,000	200,000,000,000	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam	202,134,000,000	200,000,000,000	-	-
	<b>1,591,327,979,088</b>	<b>1,579,854,114,470</b>	<b>451,057,310,078</b>	<b>450,490,918,650</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>				
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM	200,000,000,000	200,000,000,000		
<b>Tổng cộng</b>	<b>500,000,000,000</b>	<b>500,000,000,000</b>	-	-

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất 4,6%/ năm.

**c) Các khoản cho vay**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động Margin	691,641,624,841	691,641,624,841	23,283,332,086	23,283,332,086
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	118,093,616,080	118,093,616,080	104,533,851,414	104,533,851,414
<b>Tổng cộng</b>	<b>809,735,240,921</b>	<b>809,735,240,921</b>	<b>127,817,183,500</b>	<b>127,817,183,500</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ**

Các loại Tài sản tài chính	30.06.2021						01.01.2021							
	Giá mua		Giá trị thị trường		Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại		Giá mua		Giá trị thị trường		Chênh lệch đánh giá	
					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
Tài sản FVTPL	1,591,327,979,088	1,579,854,112,632	1,579,854,112,632	2,586,264,066	(13,493,739,094)	1,579,854,112,632	451,057,310,078	450,490,918,650	1,157,580,027	(1,723,971,455)	450,490,918,650			
<i>Chiếm chi nền</i>	575,033,234,007	575,033,234,007	575,033,234,007	-	-	575,033,234,007	-	-	-	-	-	-	-	-
<i>gửi</i>														
CCTG_Ngân hàng	80,267,178,082	80,267,178,082	80,267,178,082	-	-	80,267,178,082	-	-	-	-	-	-	-	-
TMCP ĐT&PT Việt Nam	70,233,780,822	70,233,780,822	70,233,780,822	-	-	70,233,780,822	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Ngân hàng Việt Nam	50,013,972,603	50,013,972,603	50,013,972,603	-	-	50,013,972,603	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam	122,648,184,000	122,648,184,000	122,648,184,000	-	-	122,648,184,000	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi	50,119,178,000	50,119,178,000	50,119,178,000	-	-	50,119,178,000	-	-	-	-	-	-	-	-
HomeCredit	51,007,123,000	51,007,123,000	51,007,123,000	-	-	51,007,123,000	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50,176,438,500	50,176,438,500	50,176,438,500	-	-	50,176,438,500	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH	100,567,379,000	100,567,379,000	100,567,379,000	-	-	100,567,379,000	-	-	-	-	-	-	-	-
CCTG_Công ty Tài chính TNHH														
MTV Mirae Asset														
MTV Mirae Asset														
MTV Mirae Asset														
MTV Mirae Asset														
MTV Mirae Asset														
MTV Mirae Asset														

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)**

Các loại Tài sản tài chính	30.06.2021				01.01.2021				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tổng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá trị trường	Chênh lệch tổng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>225,428,333,600</b>	<b>224,451,599,180</b>	<b>2,279,416,920</b>	<b>(2,631,410,740)</b>	<b>224,451,599,180</b>	<b>292,015,659,250</b>	<b>1,099,230,855</b>	<b>(1,723,971,455)</b>	<b>291,390,918,650</b>
Cổ phiếu CTCP Chứng khoán Everest_EVS	-	-	-	(517,300,000)	-	21,985,250,000	517,300,000	-	22,502,550,000
Cổ phiếu Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam_GEX	-	-	1,500,000,000	-	-	114,000,000,000	-	(1,500,000,000)	112,500,000,000
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Nam Việt_NVNB	-	-	-	-	-	141,592,000,000	-	-	141,592,000,000
Cổ phiếu CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau_DCM	1,368,104	1,680,000	-	(580,824,966)	1,680,000	13,625,783,138	581,136,862	-	14,206,920,000
Cổ phiếu CTCP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ_DSP	803,400,000	618,000,000	30,900,000	-	618,000,000	803,400,000	-	(216,300,000)	587,100,000
Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Hòa Phát_HPG	29,512,880,000	29,355,000,000	-	(157,880,000)	29,355,000,000	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt_LPB	41,675,769,384	41,178,255,000	-	(497,514,384)	41,178,255,000	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân Đội_MBB	22,847,950,000	22,975,500,000	127,550,000	-	22,975,500,000	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phương Đông_OCB	12,119,050,000	11,840,990,000	-	(278,060,000)	11,840,990,000	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín_STB	18,964,000,000	19,584,000,000	620,000,000	-	19,584,000,000	-	-	-	-
Cổ phiếu CTCP Sứ Việt Nam_VNM	34,743,200,000	34,370,080,000	-	(373,120,000)	34,370,080,000	-	-	-	-
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng_VPB	64,751,490,000	64,524,870,000	-	(226,620,000)	64,524,870,000	-	-	-	-
Các Công ty khác	9,226,112	3,224,180	966,920	(91,390)	3,224,180	9,226,112	793,993	(7,671,455)	2,348,650

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)**

Các loại Tài sản tài chính	30.06.2021				01.01.2021			
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá	Giá trị đánh giá lại
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>236,003,730,664</b>	<b>230,070,579,445</b>	<b>303,217,905</b>	<b>(6,236,369,124)</b>	<b>230,070,579,445</b>	-	-	-
Trái phiếu Công ty Cổ phần Đinh dương Nông nghiep Quốc Tê ANCI 1601	91,154,803,549	91,458,021,454	303,217,905	-	91,458,021,454	-	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh	53,456,019,065	50,000,000,000	-	(3,456,019,065)	50,000,000,000	-	-	-
Bắc_KBC12006	91,392,908,050	88,612,557,991	-	(2,780,350,059)	88,612,557,991	-	-	-
Trái phiếu Công ty Masan High- Tech Materials _MSR118001	145,900,000,000	144,150,000,000	-	(1,750,000,000)	144,150,000,000	-	-	143,000,000,000
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>	<b>140,000,000,000</b>	<b>138,250,000,000</b>	<b>-</b>	<b>(1,750,000,000)</b>	<b>138,250,000,000</b>	<b>140,000,000,000</b>	<b>140,000,000,000</b>	<b>140,000,000,000</b>
Cổ phiếu CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	3,000,000,000	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000	-	-	3,000,000,000
Vận tài Ô tô Vinh Long Cổ phiếu CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	2,900,000,000	-	-	2,900,000,000	-	-	-

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)**

Các loại Tài sản tài chính	30.06.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
<i>Trái phiếu chưa niêm yết</i>	408,962,680,817	406,148,701,838	3,629,241	(2,875,957,392)	406,148,701,838	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Hưng Thịnh	-	-	-	(58,349,172)	-	16,041,650,828	16,100,000,000	58,349,172	-	16,100,000,000
Land_HTL_2020.06	1,006,000,447	953,100,000	-	(52,900,447)	953,100,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP BCG	90,848,116	90,000,000	-	(848,116)	90,000,000	-	-	-	-	-
Land_BCGL_2021.01	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Khung_GKC.2021.01	309,192,776	292,200,000	-	(16,992,776)	292,200,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh_XDC.2020.01	265,128,758	252,800,000	-	(12,328,758)	252,800,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Sunshine	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
AM_SAM.2020.01	5,905,045	5,800,000	-	(105,045)	5,800,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Công trình Giáo dục Đông Nai_DGT.2019	101,259,293	101,300,000	40,707	-	101,300,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP_HCM_CHT.2020.01	4,597,667	4,400,000	-	(197,667)	4,400,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP_HCM_CHI052022	2,082,789,416	2,003,400,000	-	(79,389,416)	2,003,400,000	-	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP_HCM_CII072022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm đo đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)**

Các loại Tài sản tài chính	30.06.2021				01.01.2021				
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hà Tăng Kỳ thuật TP. HCM_CII02021	94,301,234	92,101,838	-	(2,199,396)	92,101,838	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh	94,357,367	94,400,000	42,633	-	94,400,000	-	-	-	-
Lamd_HTL.2019.07									
Trái phiếu CTCP Bất Động Sản Wonderland_WDL.2020. 01	1,327,648,576	1,327,000,000	-	(648,576)	1,327,000,000	-	-	-	-
Trái phiếu CTY TNHH Phúc Khang Đồng Sài Gòn_PKDSG.2020.01	696,454,099	700,000,000	3,545,901	-	700,000,000	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Phú Thương_PTC.2020.01	236,880,938	231,700,000	-	(5,180,938)	231,700,000	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai_HNG.2020.01	513,317,085	500,000	-	(512,817,085)	500,000	-	-	-	-
Trái phiếu CTY TNHH DCT Partners Việt Nam_BOND.DCTL.2021	200,000,000,000	200,000,000,000	-	-	200,000,000,000	-	-	-	-
Trái phiếu CTCP ĐT XD Trung Nam_BOND.TNGCB212 4001	202,134,000,000	200,000,000,000	-	(2,134,000,000)	200,000,000,000	-	-	-	-
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1,591,327,979,088</b>	<b>1,579,854,114,470</b>	<b>2,586,264,066</b>	<b>(13,493,737,256)</b>	<b>1,579,854,114,470</b>	<b>451,057,310,078</b>	<b>450,490,918,650</b>	<b>1,157,580,027</b>	<b>(1,723,971,455)</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ (tiếp theo)**

Các loại tài sản tài chính	30.06.2021				01.01.2021					
	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	Giá trị đánh giá lại
Tài sản HTM	500,000,000,000	500,000,000,000	-	-	500,000,000,000	-	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn cố định	500,000,000,000	500,000,000,000	-	-	500,000,000,000	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	300,000,000,000	300,000,000,000	-	-	300,000,000,000	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN HCM	200,000,000,000	200,000,000,000	-	-	200,000,000,000	-	-	-	-	-
TSTC cho vay	809,735,240,921	809,735,240,921	-	-	809,735,240,921	127,817,183,500	127,817,183,500	-	-	127,817,183,500
Cho vay hoạt động Margin	691,641,624,841	691,641,624,841	-	-	691,641,624,841	23,283,332,086	23,283,332,086	-	-	23,283,332,086
Cho vay hoạt động tăng trước tiền bán chứng khoán	118,093,616,080	118,093,616,080	-	-	118,093,616,080	104,533,851,414	104,533,851,414	-	-	104,533,851,414
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,901,063,220,009</b>	<b>2,889,589,355,391</b>	<b>2,586,264,066</b>	<b>(13,493,737,256)</b>	<b>2,889,589,355,391</b>	<b>578,874,493,578</b>	<b>578,308,102,150</b>	<b>1,157,580,027</b>	<b>(1,723,971,455)</b>	<b>578,308,102,150</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Các khoản phải thu**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) <b>Phải thu bán các tài sản tài chính</b>	-	<b>695,000,000</b>
- Phải thu bán tài sản tài chính FVTPL	-	695,000,000
b) <b>Trả trước người bán</b>	<b>12,777,632,520</b>	<b>512,551,667,980</b>
c) <b>Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp</b>	<b>13,519,346,721</b>	<b>62,742,833,058</b>
Phải thu hoạt động dịch vụ	611,846,721	286,191,058
Phải thu dịch vụ khác	12,907,500,000	62,456,642,000
d) <b>Phải thu khác</b>	<b>2,112,472,337</b>	<b>12,706,169,135</b>
Các khoản phải thu khác	2,112,472,337	12,706,169,135
	<b>28,409,451,578</b>	<b>588,695,670,173</b>

**5. Chi phí trả trước**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>7,616,500,155</b>	<b>1,090,385,434</b>
Chi phí thuê đường truyền dẫn	146,911,176	441,568,131
Chi phí cải tạo văn phòng	3,804,463,362	-
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	2,768,353	8,305,051
Chi phí quản lý thành viên	198,999,986	-
Chi phí gia hạn, bảo trì phần mềm	192,901,786	298,090,812
Chi phí công cụ dụng cụ	2,682,860,312	121,518,349
Chi phí thuê văn phòng	-	131,891,760
Chi phí ngắn hạn khác	587,595,180	89,011,331
b) <b>Dài hạn</b>	<b>4,720,726,709</b>	<b>5,501,756,869</b>
Chi phí cải tạo văn phòng	3,024,141,396	3,819,852,990
Chi phí vật dụng văn phòng	1,584,268,155	1,561,344,581
Chi phí thuê đường truyền dẫn	18,964,000	16,720,000
Chi phí dài hạn khác	93,353,158	103,839,298
	<b>12,337,226,864</b>	<b>6,592,142,303</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
a) <b>Ngắn hạn</b>	<b>25,000,000</b>	<b>20,000,000</b>
Ký quỹ thuê kho	5,000,000	5,000,000
Ký quỹ thuê máy photo	20,000,000	15,000,000
b) <b>Dài hạn</b>	<b>3,433,614,373</b>	<b>2,265,293,833</b>
Ký quỹ thuê văn phòng	3,347,614,373	2,179,293,833
Ký quỹ sử dụng taxi	8,000,000	8,000,000
Ký quỹ thuê xe	78,000,000	78,000,000
	<b>3,458,614,373</b>	<b>2,285,293,833</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	4,683,323,200	940,454,545	3,494,699,984	9,118,477,729
- Mua trong kỳ	4,319,049,400	-	-	4,319,049,400
- Đầu tư XDCB hoàn thành				-
- Tặng khác				-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư				-
- Thanh lý, nhượng bán	(270,600,000)	-	(689,303,020)	(959,903,020)
Số dư cuối kỳ	<b>8,731,772,600</b>	<b>940,454,545</b>	<b>2,805,396,964</b>	<b>12,477,624,109</b>
Trong đó:				
Đã khấu hao hết			-	3,745,851,509
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	1,453,182,720	940,454,545	3,494,699,984	5,888,337,249
Tăng trong kỳ	715,126,500	-	-	715,126,500
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>715,126,500</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>715,126,500</i>
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>				<i>-</i>
Giảm trong kỳ	186,037,500	-	689,303,020	875,340,520
Số dư cuối kỳ	<b>1,982,271,720</b>	<b>940,454,545</b>	<b>2,805,396,964</b>	<b>5,728,123,229</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	3,230,140,480	-	-	3,230,140,480
Tại ngày cuối kỳ	<b>6,749,500,880</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6,749,500,880</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng**

Tại ngày đầu năm	-	-	-	4,435,154,529
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	<b>3,475,251,509</b>

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các phương tiện vận tải và thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 3,475,251,509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4,435,154,529 VND).

**8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	10,953,787,564	10,953,787,564
Tăng trong kỳ	6,802,504,000	6,802,504,000
Số dư cuối kỳ	<b>17,756,291,564</b>	<b>17,756,291,564</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết</i>	<i>7,174,617,564</i>	<i>7,174,617,564</i>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	7,227,530,379	7,227,530,379
Khấu hao trong kỳ	428,016,776	428,016,776
Số dư cuối kỳ	<b>7,655,547,155</b>	<b>7,655,547,155</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	3,726,257,185	3,726,257,185
Tại ngày cuối kỳ	<b>10,100,744,409</b>	<b>10,100,744,409</b>
<b>Nguyên giá của TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</b>		
Tại ngày đầu năm	-	7,013,017,564
Tại ngày cuối kỳ	-	<b>7,174,617,564</b>

Nguyên giá của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 7.014.617.564 VND, bao gồm phần mềm Giao dịch chứng khoán và phần mềm kế toán. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.013.017.564 VND).

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Nâng cấp hệ thống chứng khoán InvestExp V4.0	1,961,831,159	425,882,609
	<b>1,961,831,159</b>	<b>425,882,609</b>

#### 10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	18,802,359,133	6,353,177,853
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	2,698,747,451	354,391,380
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(517,252,813)	(231,438,253)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	16,620,864,495	6,230,224,726
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>(12,449,181,280)</b>	<b>6,353,177,853</b>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch đánh giá tăng TSTC FVTPL	(2,058,541,511)	122,953,127
Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến doanh thu chưa thực hiện	(10,390,639,769)	6,230,224,726
	<b>18,802,359,133</b>	<b>6,353,177,853</b>

#### 11. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	4,258,022,988	4,168,916,260
Mức đóng góp theo doanh số	456,933,958	50,208,981
Tiền lãi phân bổ	(276,995,794)	(238,098,047)
	<b>4,557,961,152</b>	<b>4,101,027,194</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả người bán**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông Quốc tế FPT	-	3,300,000
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Thủ Đô	-	310,395,000
Công ty Cổ Phần COLOR LIFE	-	10,542,500
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu Miền Nam	1,618,369,410	
Công ty Cổ Phần Nội Thất Nhà Tân Khang	1,193,885,719	
	<b>2,812,255,129</b>	<b>324,237,500</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

<i>STT</i>	<i>Chi tiêu</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i>
1	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	4,661,928,949	56,708,359,981	45,081,748,873	16,288,540,057
2	Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	2,423,141,001	13,653,888,108	12,914,802,110	3,162,226,999
3	Thuế giá trị gia tăng	37,524,324	51,567,274	81,151,964	7,939,634
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp		35,121,737,394	19,894,162,128	15,227,575,266
5	Lệ phí môn bài		3,000,000	3,000,000	-
		<b>7,122,594,274</b>	<b>105,538,552,757</b>	<b>77,974,865,075</b>	<b>34,686,281,956</b>

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng

- Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Hoạt động của công ty thuộc diện chịu thuế suất 20%

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Chi phí dịch vụ chuyên môn	16,632,631,155	21,886,689,192
Phí giao dịch, lưu ký	1,871,735,139	992,335,319
Chi phí lãi trái phiếu	25,521,525,974	9,930,958,904
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,126,832,711	755,270,254
Chi phí khác cho nhân viên	2,105,599,992	-
	<b>48,258,324,971</b>	<b>33,565,253,669</b>

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả cổ tức cho cổ đông của công ty	19,412,500	19,412,500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1,453,434,659	1,606,627,659
Phải trả tiền chờ giao dịch trái phiếu	104,098,816,606	93,615,156,761
Phải trả tổ chức phát hành	67,211,717,414	
Phải trả, phải nộp khác	42,932,728,414	6,666,086,056
	<b>215,716,109,593</b>	<b>101,907,282,976</b>

**16. Trái phiếu phát hành dài hạn**

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Kỳ hạn</i>
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
Loại phát hành theo mệnh giá (i)	2.000.000.000.000	9,20%	36 tháng	1.000.000.000.000	9,20%	36 tháng
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000.000</b>			<b>1.000.000.000.000</b>		

(i) Trái phiếu phát hành theo từng lần như sau:

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.01 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.02 với tổng giá trị là 200.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 17 tháng 8 năm 2020.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.03 với tổng giá trị là 100.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 20 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.04 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 31 tháng 8 năm 2020.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2020.05 với tổng giá trị là 250.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 1.000.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 7 tháng 9 năm 2020.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, Công ty đã phát hành trái phiếu BOND.TPS.2021.01 với tổng giá trị là 1.000.000.000.000 VND (mệnh giá của mỗi trái phiếu là 100.000 VND) do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải được hoàn trả sau 3 năm với lãi suất là 9,2%/năm, trả lãi định kỳ 3 tháng 1 lần. Công ty đã phát hành thành công trái phiếu này tại ngày 9 tháng 6 năm 2020.

Trong năm, lãi trái phiếu được ghi nhận vào chi phí tài chính

#### 17. Vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.000.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000.000</b>
<b>Cổ phiếu</b>		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100.000.000</i>	<i>100.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****18. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Lỗ lũy kế đầu năm	(39,483,984,042)	(128,749,980,001)
Thặng dư vốn cổ phần bù đắp lỗ lũy kế	-	
Lãi/ (lỗ) đã thực hiện đến kỳ báo cáo	149,070,974,382	86,943,906,166
Lãi/ (lỗ) chưa thực hiện đến kỳ báo cáo	1,541,708,090	2,322,089,793
	<b>111,128,698,430</b>	<b>(39,483,984,042)</b>

**19. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính****19.1 Nợ khó đòi đã xử lý**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Huỳnh Thị Huyền Như	370,195,050,072	370,195,050,072
Phải thu các khoản hỗ trợ thanh toán	38,039,785,447	38,039,785,447
	<b>408,234,835,519</b>	<b>408,234,835,519</b>

**19.2 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)****a) Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HNX	1,197,650,000	167,457,150,000
Sàn HOSE	62,085,990,000	60,148,290,000
Sàn Upcom	624,330,000	624,330,000
	<b>63,907,970,000</b>	<b>226,718,270,000</b>

**b) Tài sản tài chính chờ thanh toán**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HOSE	-	500,000,000
	<b>-</b>	<b>500,000,000</b>

**c) Tài sản tài chính chờ về**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Sàn HNX	87,502,500,000	
Sàn HOSE	126,622,000,000	1,511,500,000
	<b>214,124,500,000</b>	<b>1,511,500,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
<b>Cổ phiếu</b>	<b>84,900,000,000</b>	<b>82,000,000,000</b>
CTCP Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3,000,000,000	3,000,000,000
CTCP Phát triển Bất Động Sản C30 Tân Bình	79,000,000,000	79,000,000,000
CTCP Đầu tư Vinare	2,900,000,000	-
<b>Trái phiếu</b>	<b>406,148,700,000</b>	<b>16,100,000,000</b>
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL.2020.06	-	16,100,000,000
Trái phiếu CTCP BCG Land_BCGL.2021.01	953,100,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Thương mại Dịch vụ Gia Khang_GKC.2021.01	90,000,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Xuân Đỉnh_XDC.2020.01	292,200,000	
Trái phiếu CTCP Sunshine AM_SAM.2020.01	252,800,000	
Trái phiếu CTCP Công trình Giao thông Đồng Nai_DGT.2019	5,800,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII.2020.01	101,300,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII052022	4,400,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII072022	2,003,400,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Hạ Tầng Kỹ thuật TP. HCM_CII102021	92,100,000	
Trái phiếu CTCP Hưng Thịnh Land_HTL.2019.07	94,400,000	
Trái phiếu CTCP Bất Động Sản Wonderland_WDL.2020.01	1,327,000,000	
Trái phiếu Cty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn_PKDSG.2020.01	700,000,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Phú Thượng_PTC.2020.01	231,700,000	
Trái phiếu CTCP Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai_HNG.2020.01	500,000	
Trái phiếu Cty TNHH DCT Partners Việt Nam_BOND.DCT.2021	200,000,000,000	
Trái phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng Trung Nam_BOND.TNGCB2124001	200,000,000,000	
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>575,033,234,007</b>	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	80,267,178,082	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70,233,780,822	
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50,013,972,603	
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	122,648,184,000	
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt	50,119,178,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	51,007,123,000	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	50,176,438,500	
CCTG_Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	100,567,379,000	
	<b>1,066,081,934,007</b>	<b>98,100,000,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư**

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	369,464,326	3,694,643,260,000	111,385,555	1,113,855,545,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	258,648,554	2,586,485,540,000	83,262,629	1,966,554,330,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	8,130,100	81,301,000,000	2,664,591	26,645,910,000
	<b>636,242,980</b>	<b>6,362,429,800,000</b>	<b>197,312,775</b>	<b>3,107,055,785,000</b>

**19.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư**

	<i>Cuối kỳ</i>		<i>Đầu năm</i>	
	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Giá trị</i>
Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư	12,776,253	127,762,530,000	2,434,909	24,349,090,000
	<b>12,776,253</b>	<b>127,762,530,000</b>	<b>2,434,909</b>	<b>24,349,090,000</b>

**19.6 Tiền gửi của Nhà đầu tư**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Nhà đầu tư trong nước	398,237,173,105	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	604,142,116	575,907,986
	<b>398,841,315,221</b>	<b>154,001,020,004</b>

**19.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Công ty CP Sunshine Marina Nha Trang		28,000,000,000
	-	<b>28,000,000,000</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **19.8 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
- Nhà đầu tư trong nước	398,237,173,105	153,425,112,018
- Nhà đầu tư nước ngoài	604,142,116	575,907,986
	<b>398,841,315,221</b>	<b>154,001,020,004</b>

#### **20. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu năm</i>
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1,453,434,659	1,606,627,659
	<b>1,453,434,659</b>	<b>1,606,627,659</b>

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

### 21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>I</b>							
<b>Lãi bán FVTPL</b>							
a)							
a.1)							
Năm 2021							
Lãi Quý II-2021	35,022,532		3,188,263,616,866	3,130,105,021,266	58,158,595,600	52,327,161,633	
Cổ phiếu niêm yết	16,556,800		622,530,345,000	570,203,183,367	459,090,000		
ACB	230,000	35,200	8,096,000,000	7,636,910,000	103,820,000		
CTG	354,200	51,422	18,213,720,000	18,109,900,000	3,500,017,249		
DCM	741,200	17,950	13,304,825,000	9,804,807,751	4,585,660,000		
HPG	1,020,000	61,709	62,943,660,000	58,358,000,000	7,270,105,000		
HSG	1,615,600	41,057	66,331,960,000	59,061,855,000	10,542,624,384		
LPB	4,273,900	32,245	137,811,910,000	127,269,285,616	1,990,435,000		
MBB	452,600	34,607	15,662,945,000	13,672,510,000	168,735,000		
MSB	600,000	28,164	16,898,645,000	16,729,910,000	279,950,000		
OCB	449,000	31,900	14,323,100,000	14,043,150,000	12,115,635,000		
STB	5,820,300	29,490	171,638,970,000	159,523,335,000	7,886,090,000		
VIC	500,000	127,109	63,554,610,000	55,668,520,000	3,425,000,000		
VPB	500,000	67,500	33,750,000,000	30,325,000,000	126,542,522		
Trái phiếu niêm yết	3,213,048		331,763,792,101	331,637,249,579	2,663,254		
ANC11601	892,260	100,874	90,006,013,692	90,003,350,438	1,750,975		
KBC12006	486,382	106,917	52,002,504,294	52,000,753,319	5,250,150		
MSR118001	875,025	103,040	90,162,576,000	90,157,325,850	116,878,143		
VHM11801	959,381	103,809	99,592,698,115	99,475,819,972			

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021  
**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>15,050,482</b>		<b>1,527,720,554,795</b>	<b>1,523,033,991,026</b>	<b>4,686,563,769</b>		
BCGL.2019.01	324,386	100,806	32,700,000,000	32,464,871,373	235,128,627		
BCGL.2021.01	219,751	102,393	22,501,000,000	22,487,908,589	13,091,411		
CII.2020.01	12,895	100,814	1,300,000,000	1,287,906,238	12,093,762		
CII052022	54,500	100,000	5,450,000,000	5,448,888,110	1,111,890		
CII072022	966	103,520	100,000,000	99,355,617	644,383		
CII102021	57,529	100,819	5,800,000,000	5,766,999,406	33,000,594		
DGT.2019	5,000	100,000	500,000,000	496,888,904	3,111,096		
GKC.2021.01	579,378	100,021	57,950,000,000	57,788,519,258	161,480,742		
GTP.2021.02	2,000,000	100,026	200,052,054,795	200,000,000,000	52,054,795		
HNG.2020.01	171	100,000,000	17,100,000,000	17,080,453,008	19,546,992		
HQN.2021.03	33,051	105,897	3,500,000,000	3,499,276,256	723,744		
HTL.2019.02	264,000	100,000	26,400,000,000	26,352,061,982	47,938,018		
HTL.2019.04	10,000	100,000	1,000,000,000	999,838,579	161,421		
HTL.2019.07	92,000	100,000	9,200,000,000	9,192,980,075	7,019,925		
PKDSG.2020.01	1,332,000	100,000	133,200,000,000	132,804,888,793	395,111,207		
PTC.2020.01	878,980	100,827	88,625,000,000	87,616,469,215	1,008,530,785		
SAM.2020.01	101,050	100,940	10,200,000,000	10,126,210,914	73,789,086		
SMN.2020.03	77,324	102,297	7,910,000,000	7,855,390,827	54,609,173		
SMN.2020.05	16,000	101,125	1,618,000,000	1,597,333,381	20,666,619		
SMN.2020.07	10,000	101,120	1,011,200,000	1,003,225,376	7,974,624		
SST.2020.01	1,146,950	100,178	114,899,000,000	114,030,713,476	868,286,524		
TCD.2020.01	492,695	100,017	49,278,000,000	49,130,740,373	147,259,627		
TNE.2020.01	39,295	101,794	4,000,000,000	3,956,669,142	43,330,858		
WDL.2020.01	213,932	100,593	21,520,000,000	21,354,828,362	165,171,638		
XDC.2020.01	688,629	100,635	69,300,000,000	68,483,473,772	816,526,228		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
BOND.BHBC2124001	1,000,000	100,192	100,192,000,000	100,144,000,000	48,000,000		
BOND.BKPCB2124001	1,200,000	100,168	120,201,600,000	120,069,600,000	132,000,000		
BOND.BVB122022	400,000	100,058	40,023,200,000	40,000,000,000	23,200,000		
BOND.CREB2124001	1,000,000	100,169	100,169,000,000	100,121,000,000	48,000,000		
BOND.HAACB2124001	1,500,000	101,026	151,539,500,000	151,435,500,000	104,000,000		
BOND.TNGCB2124001	1,300,000	100,370	130,481,000,000	130,338,000,000	143,000,000		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>202,202</b>		<b>706,248,924,970</b>	<b>705,230,597,294</b>	<b>1,018,327,676</b>		
CCTG Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,472,712,500	527,287,500		
CCTG Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vượng	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000	33,300,000		
CCTG Cty TC TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vượng	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000	33,300,000		
CCTG Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	200	1,003,100,357	200,620,071,345	200,543,150,685	76,920,660		
CCTG Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	72,182,536,686	72,182,536,686	72,147,945,205	34,591,481		
CCTG Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	30,121,793,939	30,121,793,939	30,107,358,904	14,435,035		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	500	101,595,616	50,797,808,000	50,548,630,000	249,178,000		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	1,000	100,049,315	100,049,315,000	100,000,000,000	49,315,000		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021  
**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>a.2) Lãi lũy kế đến Quý II-2021</b>	<b>52,131,676</b>		<b>4,581,829,356,408</b>	<b>4,509,527,736,191</b>	<b>72,301,620,217</b>		
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	<b>21,676,100</b>		<b>731,354,015,000</b>	<b>667,683,547,770</b>	<b>63,670,467,230</b>		
CTI	173,600	18,898	3,280,650,000	2,815,600,000	465,050,000		
DCM	3,286,900	16,242	53,387,465,000	43,775,122,154	9,612,342,846		
KBC	200,000	45,226	9,045,100,000	6,975,000,000	2,070,100,000		
NVL	90,000	75,836	6,825,240,000	6,007,000,000	818,240,000		
OCB	519,000	30,466	15,812,100,000	15,431,150,000	380,950,000		
SBT	1,250,000	23,076	28,844,660,000	28,609,280,000	235,380,000		
SSB	100,000	27,560	2,756,030,000	2,015,000,000	741,030,000		
STB	6,270,300	28,665	179,739,320,000	167,367,725,000	12,371,595,000		
TCB	240,000	35,000	8,400,000,000	7,855,780,000	544,220,000		
ACB	230,000	35,200	8,096,000,000	7,636,910,000	459,090,000		
CTG	354,200	51,422	18,213,720,000	18,109,900,000	103,820,000		
HPG	1,020,000	61,709	62,943,660,000	58,358,000,000	4,585,660,000		
HSG	1,615,600	41,057	66,331,960,000	59,061,855,000	7,270,105,000		
LPB	4,273,900	32,245	137,811,910,000	127,269,285,616	10,542,624,384		
MBB	452,600	34,607	15,662,945,000	13,672,510,000	1,990,435,000		
MSB	600,000	28,164	16,898,645,000	16,729,910,000	168,735,000		
VTC	500,000	127,109	63,554,610,000	55,668,520,000	7,886,090,000		
VPB	500,000	67,500	33,750,000,000	30,325,000,000	3,425,000,000		
<b>Trái phiếu niêm yết</b>	<b>5,164,809</b>		<b>534,397,779,451</b>	<b>534,260,519,528</b>	<b>137,259,923</b>		
ANCI1601	1,844,021	100,874	186,013,001,042	186,007,620,387	5,380,655		
VHMI1801	959,381	103,809	99,592,698,115	99,475,819,972	116,878,143		
TD2035026	1,000,000	106,627	106,627,000,000	106,619,000,000	8,000,000		
MSR118001	875,025	103,040	90,162,576,000	90,157,325,850	5,250,150		
KBC12006	486,382	106,917	52,002,504,294	52,000,753,319	1,750,975		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giá quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>Trái phiếu chưa niêm yết</b>	<b>25,088,065</b>		<b>2,559,828,636,987</b>	<b>2,552,900,332,099</b>		<b>6,928,304,888</b>	
BCGL.2019.01	324,386	100,806	32,700,000,000	32,464,871,373		235,128,627	
BCGL.2021.01	219,751	102,393	22,501,000,000	22,487,908,589		13,091,411	
CIIL.2020.01	549,895	100,019	55,000,000,000	54,897,253,787		102,746,213	
CIIS.2022	54,500	100,000	5,450,000,000	5,448,888,110		1,111,890	
CIIO.2022	4,966	100,685	500,000,000	499,208,023		791,977	
CIIO.2021	57,529	100,819	5,800,000,000	5,766,999,406		33,000,594	
DGT.2019	5,000	100,000	500,000,000	496,888,904		3,111,096	
GKC.2021.01	579,378	100,021	57,950,000,000	57,788,519,258		161,480,742	
GTP.2021.01	3,000,000	100,026	300,078,082,192	300,000,000,000		78,082,192	
GTP.2021.02	2,000,000	100,026	200,052,054,795	200,000,000,000		52,054,795	
HNG.2020.01	171	100,000,000	17,100,000,000	17,080,453,008		19,546,992	
HQN.2021.03	33,051	105,897	3,500,000,000	3,499,276,256		723,744	
HTL.2019.02	697,000	100,000	69,700,000,000	69,587,926,594		112,073,406	
HTL.2019.04	168,000	100,000	16,800,000,000	16,761,419,952		38,580,048	
HTL.2019.07	103,000	100,000	10,300,000,000	10,290,456,576		9,543,424	
HTL.2020.01	932,000	100,000	93,200,000,000	93,189,632,872		10,367,128	
HTL.2020.06	258	100,000,000	25,800,000,000	25,721,219,447		78,780,553	
HTL.2020.06.01	5	100,000,000	500,000,000	491,637,529		8,362,471	
KHL.2020.01	405,000	100,000	40,500,000,000	40,487,122,186		12,877,814	
NNHP.2020.01	283,020	107,060	30,300,000,000	30,134,428,954		165,571,046	
PKDSG.2020.01	1,353,000	100,000	135,300,000,000	134,892,749,457		407,250,543	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
PTC.2020.01	2,353,980	100,309	236,125,000,000	234,808,848,512	1,316,151,488		
SAM.2020.01	565,250	100,168	56,620,000,000	55,967,811,844	652,188,156		
SMN.2020.03	77,324	102,297	7,910,000,000	7,855,390,827	54,609,173		
SMN.2020.05	16,000	101,125	1,618,000,000	1,597,333,381	20,666,619		
SMN.2020.07	10,000	101,120	1,011,200,000	1,003,225,376	7,974,624		
SST.2020.01	1,656,450	100,123	165,849,000,000	164,840,928,517	1,008,071,483		
TCD.2020.01	981,695	100,009	98,178,000,000	97,836,292,404	341,707,596		
TNE.2020.01	44,295	101,592	4,500,000,000	4,444,417,390	55,582,610		
WDL.2020.01	657,932	100,193	65,920,000,000	65,657,411,299	262,588,701		
XDC.2020.01	1,555,229	100,281	155,960,000,000	154,793,712,268	1,166,287,732		
BOND.BHCH2124001	1,000,000	100,192	100,192,000,000	100,144,000,000	48,000,000		
BOND.BKPCB2124001	1,200,000	100,168	120,201,600,000	120,069,600,000	132,000,000		
BOND.BVB122022	400,000	100,058	40,023,200,000	40,000,000,000	23,200,000		
BOND.CREB2124001	1,000,000	100,169	100,169,000,000	100,121,000,000	48,000,000		
BOND.HAACB2124001	1,500,000	101,026	151,539,500,000	151,435,500,000	104,000,000		
BOND.TNGCB2124001	1,300,000	100,370	130,481,000,000	130,338,000,000	143,000,000		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>202,702</b>		<b>756,248,924,970</b>	<b>754,683,336,794</b>	<b>1,565,588,176</b>		
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,452,739,500	547,260,500		
CCTG_Công ty Tài chính Cổ phần Tin Việt	500	100,000,000	50,000,000,000	49,472,712,500	527,287,500		
CCTG_Cy TC TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vương	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000	33,300,000		
CCTG_Cy TC TNHH MTV Ngân hàng VN Thịnh Vương	100,000	1,012,387	101,238,700,000	101,205,400,000	33,300,000		
CCTG_Chứng chỉ tiền gửi HomeCredit	200	1,003,100,357	200,620,071,345	200,543,150,685	76,920,660		
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	72,182,536,686	72,182,536,686	72,147,945,205	34,591,481		
CCTG_Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1	30,121,793,939	30,121,793,939	30,107,358,904	14,435,035		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH Mirae Asset (VN)	500	101,595,616	50,797,808,000	50,548,630,000	249,178,000		
CCTG_Công ty Tài chính TNHH Mirae Asset (VN)	1,000	100,049,315	100,049,315,000	100,000,000,000	49,315,000		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân giữa quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>b) Năm 2020</b>							
<b>b.1) Lãi Quý II-2020</b>	<b>3,035</b>		<b>303,500,000,000</b>	<b>302,395,363,714</b>		<b>1,104,636,286</b>	
Trái phiếu chưa niêm yết	<b>3,035</b>		<b>303,500,000,000</b>	<b>302,395,363,714</b>		<b>1,104,636,286</b>	
CIH052022	1,524	100,000,000	152,400,000,000	152,100,756,155		299,243,845	
CIH102021	26	100,000,000	2,600,000,000	2,595,781,012		4,218,988	
HTL.2019.04	16	100,000,000	1,600,000,000	1,593,076,921		6,923,079	
HTL.2019.07	805	100,000,000	80,500,000,000	80,210,297,203		289,702,797	
BCGL.2019.01	664	100,000,000	66,400,000,000	65,895,452,423		504,547,577	
<b>b.2) Lãi lũy kế đến Quý II-2020</b>	<b>3,035</b>		<b>303,500,000,000</b>	<b>302,395,363,714</b>		<b>1,104,636,286</b>	
Trái phiếu chưa niêm yết	<b>3,035</b>		<b>303,500,000,000</b>	<b>302,395,363,714</b>		<b>1,104,636,286</b>	
CIH052022	1,524	100,000,000	152,400,000,000	152,100,756,155		299,243,845	
CIH102021	26	100,000,000	2,600,000,000	2,595,781,012		4,218,988	
HTL.2019.04	16	100,000,000	1,600,000,000	1,593,076,921		6,923,079	
HTL.2019.07	805	100,000,000	80,500,000,000	80,210,297,203		289,702,797	
BCGL.2019.01	664	100,000,000	66,400,000,000	65,895,452,423		504,547,577	

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

II	Lỗ bán FVTPL	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán	Lãi, lỗ bán	Lãi, lỗ bán
							chứng khoán kỳ này	chứng khoán lũy kế đến kỳ này	chứng khoán kỳ trước
a)	Năm 2021								
a.1)	Lỗ Quý II-2021								
	Cổ phiếu niêm yết		27,448,484		2,742,409,925,923	2,820,259,130,297	(77,849,204,374)		
	SBT		3,083,200	19,407	28,691,841,000	31,815,728,156	(3,123,887,156)		
	SCR		2,768,200	8,178	22,639,296,000	6,883,090,000	(847,425,000)		
	SJF		4,000	4,220	16,880,000	24,915,438,000	(2,276,142,000)		
	Trái phiếu niêm yết		118,968		12,000,421,128	17,200,156	(320,156)		
	ANCI1601		118,968	100,871	12,000,421,128	12,000,435,909	(14,781)		
	Trái phiếu chưa niêm yết		24,245,816		2,651,717,663,795	2,725,863,240,232	(74,145,576,437)		
	BCGL.2019.01		607,602	100,660	61,161,300,000	62,138,142,245	(976,842,245)		
	BCGL.2021.01		2,780,890	102,845	286,001,100,000	292,663,402,320	(6,662,302,320)		
	CIH.2020.01		343,092	100,265	34,400,000,000	35,686,811,824	(1,286,811,824)		
	CIH02022		2,529,458	99,993	252,929,100,000	261,236,365,168	(8,307,265,168)		
	CIH072022		184,000	100,000	18,400,000,000	18,907,678,257	(507,678,257)		
	CIH102021		546,550	100,082	54,700,000,000	55,263,950,359	(563,950,359)		
	DGT.2019		15,942	100,364	1,600,000,000	1,624,654,287	(24,654,287)		
	GKC.2021.01		2,416,222	100,000	241,621,739,715	243,669,311,767	(2,047,572,052)		
	HNG.2020.01		1,974	100,000,000	197,400,000,000	206,016,107,772	(8,616,107,772)		
	HQN.2021.03		22,677	105,834	2,400,000,000	2,400,723,744	(723,744)		
	HTL..2019.02		173,000	100,000	17,300,000,000	17,354,410,590	(54,410,590)		
	HTL..2019.04		6,677,000	100,650	672,038,483,796	693,771,962,012	(21,733,478,216)		
	HTL..2019.07		1,724,556	100,008	172,470,000,000	177,343,110,235	(4,873,110,235)		
	HTL..2020.01		725,000	100,000	72,500,000,000	73,652,015,098	(1,152,015,098)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
KHL.2020.01	175,000	100,034	17,505,900,000	17,781,517,662	(275,617,662)		
KTD.2019.01	150	103,024,658	15,453,698,700	15,777,366,407	(323,667,707)		
NNHP.2020.01	546,000	100,000	54,600,000,000	55,086,453,133	(486,453,133)		
PKDSG.2020.01	5,000	100,000	500,000,000	500,073,823	(73,823)		
PTC.2020.01	726,588	100,437	72,976,250,000	76,072,689,234	(3,096,439,234)		
SAM.2020.01	586,222	100,569	58,838,561,584	61,002,827,538	(2,164,265,954)		
SMN.2020.03	422,676	100,004	42,269,500,000	42,939,904,468	(670,404,468)		
SMN.2020.05	4,000	100,000	400,000,000	401,076,496	(1,076,496)		
SST.2020.01	19,050	101,323	1,930,200,000	1,932,661,879	(2,461,879)		
TCD.2020.01	12,085	100,000	1,208,500,000	1,211,790,258	(3,290,258)		
TNE.2020.01	705	99,901	70,430,000	70,987,447	(557,447)		
WDL.2020.01	2,611,798	100,283	261,920,000,000	271,200,269,890	(9,280,269,890)		
XDC.2020.01	388,579	100,682	39,122,900,000	40,156,976,319	(1,034,076,319)		
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>500</b>		<b>50,000,000,000</b>	<b>50,579,726,000</b>	<b>(579,726,000)</b>		
OTC-CCTG-MAFC/2021/06-2	500	100,000,000	50,000,000,000	50,579,726,000	(579,726,000)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>a.2) Lỗ lũy kế đến Quý II-2021</b>	<b>34,993,691</b>		<b>3,567,749,463,923</b>	<b>3,653,840,704,247</b>		<b>(86,091,240,324)</b>	
Cổ phiếu niêm yết	3,869,200		37,707,879,000	40,963,228,156		(3,255,349,156)	
SBT	311,000	19,407	6,035,665,000	6,883,090,000		(847,425,000)	
SCR	3,518,200	8,359	29,407,144,000	31,748,938,000		(2,341,794,000)	
SJF	4,000	4,220	16,880,000	17,200,156		(320,156)	
BVH	36,000	62,450	2,248,190,000	2,314,000,000		(65,810,000)	
Trái phiếu niêm yết	618,968		89,815,921,128	89,841,935,909		(26,014,781)	
TD1429094	500,000	155,631	77,815,500,000	77,841,500,000		(26,000,000)	
ANC11601	118,968	100,871	12,000,421,128	12,000,435,909		(14,781)	
Trái phiếu chưa niêm yết	30,505,023		3,390,225,663,795	3,472,455,814,182		(82,230,150,387)	
BCGL.2019.01	1,377,602	100,291	138,161,300,000	140,586,873,070		(2,425,573,070)	
BCGL.2021.01	2,780,890	102,845	286,001,100,000	292,663,402,320		(6,662,302,320)	
CI1.2020.01	556,092	100,163	55,700,000,000	57,415,946,607		(1,715,946,607)	
CI1052022	2,651,458	99,994	265,129,100,000	273,745,156,623		(8,616,056,623)	
CI1072022	1,017,000	100,000	101,700,000,000	102,764,409,704		(1,064,409,704)	
CI1102021	825,550	100,055	82,600,000,000	83,236,096,360		(636,096,360)	
DGT.2019	23,356	1,871,040	43,700,000,000	44,049,146,940		(349,146,940)	
GKC.2021.01	2,446,222	100,000	244,621,739,715	246,681,366,562		(2,059,626,847)	
HNG.2020.01	2,473	100,000,000	247,300,000,000	256,423,328,959		(9,123,328,959)	
HQN.2021.03	22,677	105,834	2,400,000,000	2,400,723,744		(723,744)	
HTL.2019.02	469,000	100,000	46,900,000,000	47,028,648,903		(128,648,903)	

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán lũy kế đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
HTL.2019.04	7,393,000	100,587	743,638,483,796	766,199,312,241	(22,560,828,445)		
HTL.2019.07	2,502,556	100,006	250,270,000,000	256,248,454,384	(5,978,454,384)		
HTL.2020.01	1,676,000	100,000	167,600,000,000	170,226,639,175	(2,626,639,175)		
KHL.2020.01	790,000	100,007	79,005,900,000	79,624,866,098	(618,966,098)		
KTD.2019.01	150	103,024,658	15,453,698,700	15,777,366,407	(323,667,707)		
NNHP.2020.01	578,214	136,974	79,200,000,000	79,740,401,551	(540,401,551)		
PKĐSG.2020.01	5,000	100,000	500,000,000	500,073,823	(73,823)		
PTC.2020.01	779,588	100,407	78,276,250,000	81,404,762,508	(3,128,512,508)		
SAM.2020.01	812,222	100,266	81,438,561,584	84,076,476,907	(2,637,915,323)		
SMN.2020.03	422,676	100,004	42,269,500,000	42,939,904,468	(670,404,468)		
SMN.2020.05	4,000	100,000	400,000,000	401,076,496	(1,076,496)		
SST.2020.01	111,050	100,227	11,130,200,000	11,136,866,676	(6,666,676)		
TCD.2020.01	156,665	100,000	15,666,500,000	15,700,611,238	(34,111,238)		
TNE.2020.01	705	99,901	70,430,000	70,987,447	(557,447)		
WDL.2020.01	2,712,298	100,273	271,970,000,000	281,255,938,652	(9,285,938,652)		
XDC.2020.01	388,579	100,682	39,122,900,000	40,156,976,319	(1,034,076,319)		
<b>Chương chi tiền gửi</b>	<b>500</b>		<b>50,000,000,000</b>	<b>50,579,726,000</b>	<b>(579,726,000)</b>		
CCTG Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (VN)	500	100,000,000	50,000,000,000	50,579,726,000	(579,726,000)		

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)**

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kể đến kỳ này	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ trước
<b>b) Năm 2020</b>							
<b>b.1) Lỗ Quý II-2020</b>	500,070		66,824,500,000	67,095,298,044			(270,798,044)
Trái phiếu chưa niêm yết	500,070		66,824,500,000	67,095,298,044			(270,798,044)
CII072022	60	100,000,000	6,000,000,000	6,242,050,269			(242,050,269)
HTL-2019.04	10	100,000,000	1,000,000,000	1,021,747,775			(21,747,775)
TD1727396	500,000	119,649	59,824,500,000	59,831,500,000			(7,000,000)
<b>b.2) Lỗ lũy kế đến Quý II-2020</b>	500,070		66,824,500,000	67,095,298,044			(270,798,044)
Trái phiếu chưa niêm yết	500,070		66,824,500,000	67,095,298,044			(270,798,044)
CII072022	60	100,000,000	6,000,000,000	6,242,050,269			(242,050,269)
HTL-2019.04	10	100,000,000	1,000,000,000	1,021,747,775			(21,747,775)
TD1727396	500,000	119,649	59,824,500,000	59,831,500,000			(7,000,000)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****22. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính**

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kể đến kỳ này	Chênh lệch đánh giá tăng/ giảm lũy kể từ đầu năm	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán lũy kể đến kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
<b>I</b>	<b>Loại FVTPL</b>	<b>1,591,327,979,088</b>	<b>1,579,854,114,470</b>	<b>(11,473,864,618)</b>	<b>(566,391,428)</b>	<b>(10,907,473,190)</b>	<b>2,586,264,066</b>	<b>(13,493,737,256)</b>
	Cổ phiếu niêm yết	225,428,333,600	224,451,599,180	(976,734,420)	(624,740,600)	(351,993,820)	2,279,416,920	(2,631,410,740)
	Cổ phiếu chưa niêm yết	145,900,000,000	144,150,000,000	(1,750,000,000)		(1,750,000,000)	-	(1,750,000,000)
	Trái phiếu niêm yết	236,003,730,664	230,070,579,445	(5,933,151,219)		(5,933,151,219)	303,217,905	(6,236,369,124)
	Trái phiếu chưa niêm yết	408,962,680,817	406,148,701,838	(2,813,978,979)	58,349,172	(2,872,328,151)	3,629,241	(2,875,957,392)
<b>II</b>	Loại HTM	575,033,234,007	575,033,234,007	-		-	-	-
	Công cụ thị trường tiền tệ	500,000,000,000	500,000,000,000	-		-	-	-
<b>II</b>	Các khoản cho vay	809,735,240,921	809,735,240,921	-		-	-	-
		2,901,063,220,009	2,889,589,355,391	(11,473,864,618)	(566,391,428)	(10,907,473,190)	2,586,264,066	(13,493,737,256)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****23. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Từ tài sản FVTPL	23,338,499,020	33,786,155,460	22,332,351	22,340,651
Từ các khoản đầu tư HTM	7,835,616	7,835,616	2,465,754	5,753,425
	<b>23,346,334,636</b>	<b>33,793,991,076</b>	<b>24,798,105</b>	<b>28,094,076</b>

**24. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Phát sinh trong kỳ</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán	2,855,614,164	5,013,648,984	46,795,986	135,447,298
Cho vay ký quỹ	7,026,197,859	8,246,297,694	130,925	130,925
	<b>9,881,812,023</b>	<b>13,259,946,678</b>	<b>46,926,911</b>	<b>135,578,223</b>

**25. Doanh thu ngoài thu nhập tài sản tài chính**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	25,174,097,891	34,654,156,643	3,012,808,113	4,601,728,182
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	5,726,918,458	5,826,918,458	-	-
Doanh thu hoạt động Lưu ký chứng khoán	45,942,772,990	74,456,444,992	7,962,272,807	8,315,313,598
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	122,355,000,000	303,425,000,000	51,635,405,479	135,995,205,479
Doanh thu khác	82,000,001	588,312,794	779,000,000	1,032,000,000
	<b>199,280,789,340</b>	<b>418,950,832,887</b>	<b>63,389,486,399</b>	<b>149,944,247,259</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	137,325,848	485,435,270	28,564,714	295,247,832
	<b>137,325,848</b>	<b>485,435,270</b>	<b>28,564,714</b>	<b>295,247,832</b>

**27. Chi phí hoạt động tài chính**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lãi vay	42,074,310,730	66,938,373,990	734,493,194	900,046,998
	<b>42,074,310,730</b>	<b>66,938,373,990</b>	<b>734,493,194</b>	<b>900,046,998</b>

**28. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
1 Chi phí hoạt động tự doanh	89,670,104,384	99,639,779,486	311,433,775	455,862,005
- <i>Lãi bán tài sản tài chính</i>	77,854,204,374	86,096,240,324	270,798,044	270,798,044
- <i>Chênh lệch đánh giá giảm tài sản tài chính</i>	11,815,900,010	13,493,737,256	24,482,170	24,910,400
- <i>Chi phí giao dịch mua các Tài sản tài chính</i>	-	49,801,906	16,153,561	16,153,561
- <i>Chi phí quản lý hoạt động tự doanh</i>	-	-	-	144,000,000
2 Chi phí hoạt động môi giới	15,488,775,989	23,713,120,034	2,233,527,717	4,009,290,931
3 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	39,591,285,130	72,093,325,372	40,446,649,057	80,391,785,934
4 Chi phí lưu ký chứng khoán	18,075,647,747	67,135,789,987	180,009,824	354,492,580
	<b>162,825,813,250</b>	<b>262,582,014,879</b>	<b>43,171,620,373</b>	<b>85,211,431,450</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****29. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Chi phí lương và các khoản phụ cấp	14,936,535,536	25,439,587,807	4,141,349,902	11,493,031,997
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	753,831,000	1,398,063,000	469,102,000	835,092,502
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	160,968,608	226,200,081	17,472,377	50,947,234
Chi phí công cụ, dụng cụ	573,701,855	798,239,570	185,580,971	392,764,122
Chi phí khấu hao TSCĐ	370,367,605	666,011,226	349,273,413	689,848,827
Chi phí thuế, phí và lệ phí	26,000,000	28,119,148	93,321,235	97,812,485
Chi phí thuê văn phòng	9,900,000	69,850,800	822,985,012	1,913,898,701
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	111,085,237	275,215,125	128,475,300	224,537,647
Chi phí mua ngoài khác	2,580,007,454	4,538,364,765	978,027,798	1,914,574,897
Chi phí khác	4,380,701,631	7,712,805,891	1,549,887,078	3,187,361,872
	<b>23,903,098,926</b>	<b>41,152,457,413</b>	<b>8,735,475,086</b>	<b>20,799,870,284</b>

**30. Thu nhập khác**

	<i>QUÝ II - NĂM 2021</i>		<i>QUÝ II - NĂM 2020</i>	
	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Lũy kế đến kỳ này</i>
Thu nhập từ thu hồi Nợ đã xử lý của vụ án Huyền Như	-	-	1,644,483,060	2,768,270,330
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	7,349,014,508	9,813,173,608	70,000,000	70,000,000
Thu nhập khác	1,054	1,054	6,390	8,490
	<b>7,349,015,562</b>	<b>9,813,174,662</b>	<b>1,714,489,450</b>	<b>2,838,278,820</b>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG**

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****31. Chi phí khác**

	QUÝ II - NĂM 2021		QUÝ II - NĂM 2020	
	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này	Kỳ này	Lũy kế đến kỳ này
Chi phí thanh lý CCDC	67,673,786	67,673,786	-	-
Chi phí khác	5,000,000,000	5,000,000,000	-	-
	<b>5,067,673,786</b>	<b>5,067,673,786</b>	-	-

**THÔNG TIN KHÁC**

Một số số liệu của Báo cáo kỳ trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính Quý của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2021

**NGUYỄN THỊ TÚ UYÊN**  
Người lập

**NGUYỄN THỊ KHÁNH HÒA**  
Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Giám đốc Khối Tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính